

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Foodant số 400.22/CV-CTY ngày 31 tháng 10 năm 2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Tổ trưởng Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường đã họp ngày 06 tháng 7 năm 2022 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Foodant (sau đây viết tắt là Chủ dự án), địa chỉ tại Lô C2 Khu công nghiệp Bình Hòa, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy chế biến rau quả đông lạnh xuất khẩu Foodant với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy chế biến rau quả đông lạnh xuất khẩu Foodant.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô C2 Khu công nghiệp Bình Hòa, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.



Nguyễn S

1.3. Giấy giấy chứng nhận đầu tư: mã số dự án 6171008031 ngày 09 tháng 7 năm 2018, điều chỉnh lần thứ IV ngày 18 tháng 3 năm 2022 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang cấp.

1.4. Mã số thuế: 1602020460.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến nông sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Tổng diện tích dự án 9.995,4 m² tại Lô C2 Khu công nghiệp Bình Hòa, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Quy mô, công suất của dự án: 9.000 tấn sản phẩm/năm.

- Tổng diện tích dự án 9.995,4 m², gồm các hạng mục công trình như sau:

+ Các hạng mục công trình chính: Nhà xưởng sản xuất 1.255,3 m²;

+ Các hạng mục công trình phụ trợ: Nhà làm việc 145,8 m², nhà xe 126,7 m², nhà nghỉ của công nhân 48,1 m², phòng y tế 41,3 m², nhà ăn 198,9 m², phòng giặt 64 m², nhà vệ sinh 72,4 m², nhà nồi hơi 248,9 m², kho hóa chất + dụng cụ 229 m², Bể chứa nước sinh hoạt + PCCC 154,6 m², chốt bảo vệ 7,3m², đất giao thông xây xanh và đất trống 7.189,6 m².

+ Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại 07 m², Kho phế liệu 23 m², Bể xử lý chất thải 183,5 m².

- Tổng mức đầu tư: 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng) (Dự án nhóm C theo quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ dự án được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Foodant có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành

các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường), cơ quan chức năng ở địa phương (Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND huyện Châu Thành, UBND xã Bình Hòa) nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 1.9 tháng 11 năm 2022 đến ngày 1.9 tháng 11 năm 2032).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Foodant;
- Ban Giám đốc Sở;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- BQLKKT;
- UBND huyện Châu Thành;
- Trung tâm PVHCC tỉnh An Giang;
- Chi cục BVMT;
- Thanh tra Sở;
- Trung tâm CNTTNTMT (đăng Website);
- Phòng TNMT huyện Châu Thành;
- UBND xã Bình Hòa;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Trí



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 1223/GP-STNMT ngày 18 tháng 1 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bình Hòa, không xả ra môi trường).

- Đã ký Hợp đồng dịch vụ nước thải với Trung tâm Đầu tư – Phát triển hạ tầng và hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh An Giang tại Hợp đồng số 38/HĐ-TTHT ngày 27/01/2021 và Phụ lục Hợp đồng số 363/PLHĐ-TTHT ngày 17/10/2022 (là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bình Hòa).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải đen: Nước từ các khu nhà vệ sinh và nước từ phòng giặt được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, nước sau bể tự hoại tự chảy theo đường ống uPVC D114 dài 85m ra ống thu gom nước thải chung uPVC D200 của dự án dẫn về bể thu gom nước thải đầu vào để bơm lên hệ thống xử lý nước thải của dự án.

+ Nước thải xám: Nước thải từ nhà nghỉ, nhà ăn của công nhân được thu gom (tự chảy) theo đường ống uPVC D114 dài 36,5m ra ống thu gom nước thải chung uPVC D200 dẫn về bể thu gom nước thải đầu vào để bơm lên hệ thống xử lý nước thải của dự án.

- Nước thải sản xuất: Được thu gom theo các hố ga và đường ống uPVC D90, D168, D200, mương nối B200 và đầu nối vào đường ống thu gom nước thải chung uPVC D200 dẫn về bể thu gom nước thải đầu vào để bơm lên hệ thống xử lý nước thải của dự án. Chi tiết các tuyến ống và mương thu gom nước thải khu vực xưởng sản xuất:

+ Ống uPVC D200 dài 106,5m;

+ Ống uPVC D168 dài 46,5m;

+ Ống uPVC D90 dài 15m;



10/1/2022

+ Mương nổi B200 dài 29m.

+ Hồ ga bằng bê tông cốt thép (DxR) 600 x 600: 08 cái.

+ Hồ ga bằng bê tông cốt thép (DxR) 500 x 500: 12 cái.

- Nước xả đáy nổi hơi (chỉ xả thải khi xử lý sự cố hư hỏng nổi hơi): Được dẫn theo đường ống sắt tráng kẽm đường kính D52 dài 12m và tự chảy ra tuyến ống thoát nước thải chung uPVC D200 về bể thu gom nước thải đầu vào để bơm lên hệ thống xử lý nước thải của dự án.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể điều hòa → Bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng 1 → Bể tiền UASB → Bể UASB → Bể Anoxic → Bể MBBR → Bể Aerotank → Bể lắng 2 → Bể chứa → Thiết bị lọc áp lực → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bình Hòa.

- Công suất thiết kế: 120 m³/ngày đêm.

- Vị trí đầu nổi nước thải, theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiếu 3°: X = 1155792; Y = 564967 (hồ ga D5-1 trên đường số 7 Khu công nghiệp Bình Hòa), điểm tiếp nhận nước thải đã xử lý sơ bộ của dự án vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Bình Hòa).

- Hóa chất sử dụng: PAC 05 kg/ngày, Polyme 0,2 kg/ngày, NaOH 2,5 kg/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố (nước thải):

- Đảm bảo ổn định nguồn điện để máy móc, thiết bị hoạt động liên tục và thường xuyên; Kiểm tra máy bơm thường xuyên, đảm bảo đúng tải lượng xả vào nguồn tiếp nhận; Đảm bảo thiết kế đường ống xả thải đúng tải lượng; Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành và thực hiện tốt công tác quan trắc hệ thống xử lý nước thải.

- Khi xảy ra sự cố, Chủ dự án sẽ phối hợp với nhân viên kỹ thuật thực hiện khắc phục sự cố: Tạm trữ lại nguồn nước thải chưa được xử lý trong các bể của hệ thống; Tiến hành sửa chữa, khắc phục sự cố để hệ thống nhanh chóng hoạt động trở lại; Thông báo ngay với cơ quan chức năng khi có sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 30/11/2022 đến ngày 29/4/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế là 120m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 điểm tại vị trí đầu nổi nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bình Hòa.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bình Hòa, quy định tại Phụ lục Hợp đồng số 363/PLHĐ-TTHT ngày 17/10/2022 giữa Trung tâm Đầu tư – Phát triển hạ tầng và hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh An Giang và Công ty TNHH Foodant, cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5,5 đến 9
2	BOD ₅ (20oC)	mg/l	50
3	COD	mg/l	150
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
5	Tổng nitơ	mg/l	40
6	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	6
7	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	5.000
8	Lưu lượng	m ³ /ngày	-

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Lấy mẫu nước thải đầu ra đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải trong 3 ngày liên tục: 03 mẫu đầu ra.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Bình Hòa, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của nhà máy.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý nước thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt.

3.5. Không được phép xả nước thải trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc tái sử dụng nước thải trong quá trình sản xuất (nếu có)./.

Nguyễn

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 223/GP-STNMT ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh do hoạt động của lò hơi đốt trấu công suất 1,5 tấn/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải số 01: dòng khí thải từ hoạt động của lò hơi đốt trấu công suất 1,5 tấn/giờ được thải ra ngoài môi trường.

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Địa chỉ: Lô C2 Khu công nghiệp Bình Hòa, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Tọa độ vị trí xả thải: Tọa độ X = 1155823; Y = 565035 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 110.000 m³/ngày đêm, tương đương 11.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Chu kỳ xả khí thải: Hằng ngày.

- Thời gian xả khí thải: 10 giờ/ngày (10 giờ/24 giờ) qua quạt hút khí và thoát ra ngoài môi trường thông qua đường ống khí thải có độ cao H = 20 m; Đường kính ống khí thải D = 0,5 m.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, với hệ số $K_p=1,0$; $K_v=1,0$), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	03 tháng/lần	Không
2	SO ₂	mg/Nm ³	500		
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850		
4	CO	mg/Nm ³	1.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

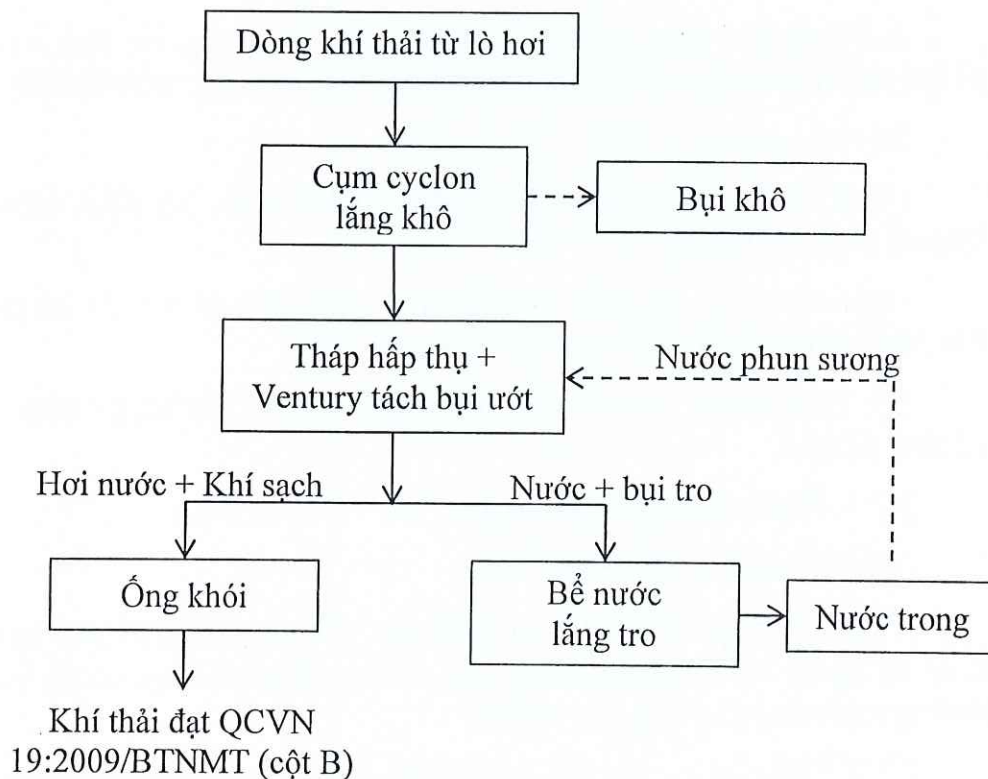
1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải phát sinh từ lò hơi đốt trấu công suất 1,5 tấn/giờ được thu gom về hệ thống xử lý khí thải được đồng bộ với lò hơi.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:



- Công suất thiết kế: 11.000 m³/giờ (tính theo quạt hút).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này): Không.

1.6. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có): Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.7. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với hệ thống xử lý khí thải:

+ Bố trí nhân viên có chuyên môn chịu trách nhiệm quản lý hệ thống xử lý bụi, khí thải và thường xuyên thông báo tình trạng hoạt động của hệ thống.

+ Thường xuyên kiểm tra các đường ống dẫn, quạt của hệ thống để kịp thời khắc phục khi có sự cố.

+ Trang bị dự phòng các chi tiết dễ hư hỏng như: Đinh, ốc vít, các loại đai thép bọc ống, van điều khiển, quạt hút,... và thay thế kịp thời các chi tiết hư hỏng.

+ Khi hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố, nhà máy sẽ ngừng ngay hoạt động sản xuất, sau khi hoàn thành việc khắc phục sự cố mới tiếp tục sản xuất.

- Đối với lò hơi:

+ Lò hơi được lắp đặt đảm bảo các yêu cầu về chất lượng; Bố trí nhân viên có trình độ chuyên môn theo dõi quá trình vận hành của lò hơi.

+ Thường xuyên kiểm tra định kỳ, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống lò hơi; Vận hành lò hơi theo đúng nguyên tắc hoạt động; Mọi sự cố xảy ra và cách xử lý phải được ghi chép rõ ràng, đầy đủ vào sổ lý lịch vận hành lò hơi.

+ Khi xảy ra sự cố lò hơi, cần thực hiện các biện pháp: Tạm ngừng hoạt động lò hơi và báo cáo tình hình sự cố với Ban Giám đốc nhà máy. Đồng thời, tắt các đường dây tải điện liên quan đến thiết bị, sơ tán công nhân viên ra khu vực an toàn; Tìm hiểu nguyên nhân và tổ chức khắc phục sự cố theo hướng dẫn của nhà sản xuất; Lập báo cáo tình hình sự cố cũng như công tác khắc phục gửi cho cơ quan chức năng và Ban quản lý KCN.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ ngày 30/11/2022 đến ngày 29/04/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này): 01 điểm đầu ra hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

- Thông số: Bụi tổng, CO, SO₂, NO_x (tính theo NO₂), Lưu lượng.

- Quy chuẩn so sánh, đánh giá, giám sát chất lượng khí thải sau xử lý: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Mẫu khí thải đầu ra đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải 03 ngày liên tục: 03 mẫu đầu ra.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý bụi, khí thải.

Handwritten signature

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý khí thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục. /s/ *Nguyễn Văn Sơn*

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1223/GP-STNMT ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Nguồn ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Tọa độ X = 1155809; Y = 565017 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ-21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	Từ 6 giờ-21 giờ	Từ 21 giờ-6 giờ	-	Khu vực thông thường
	70	60		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Trồng cây dọc theo tuyến đường nội bộ trong khuôn viên nhà máy với khoảng cách 10 – 20 m/cây nhằm giảm bớt độ ồn phát sinh và tạo cảnh quan cho nhà máy.

- Quy định nội quy trong việc sử dụng còi, nổ máy xe trong khuôn viên nhà máy đối với các xe vận tải, bốc dỡ hàng hóa.

- Lắp đặt đệm chống rung và cách âm đối với các thiết bị có độ ồn quá cao, trang bị dụng cụ bịt tai cho công nhân phải vận hành trực tiếp thiết bị này.

th

seulans

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: -.

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. / *γk* *scu*

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 123/GP-STNMT ngày 10 tháng 11 năm 2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	05
2	Dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 04	20
5	Giẻ lau dính dầu nhớt	Rắn	18 02 01	05
6	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	05

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Phế phẩm từ nguyên liệu khoảng 03 tấn/ngày.
- Tro thải khoảng 177 kg/ngày.
- Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải khoảng 2,1 tấn/năm.
- Phế liệu (bao bì nhựa, carton,...) khoảng 12 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 155 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trong kho chất thải nguy hại bố trí 02 thùng chứa loại 16 lít để chứa chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 07 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Thiết kế dạng sàn và vách xi măng, mái lợp tole và có dán biểu cảnh báo chất thải nguy hại.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Tro trấu thải:



Handwritten signature or mark.

- Thiết bị lưu chứa: Phần tro trấu phát sinh được làm nguội đưa vào bao buộc kín miệng, chuyển kho chứa tro trấu.

- Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích khu vực lưu chứa: 124,45 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Thiết kế kiểu dạng khung tiền chế với mái và vách tole, nền xi măng.

2.2.2. Phế liệu (bao bì nhựa, carton,...): Được lưu chứa tại khu vực kho chứa phế liệu có diện tích 25 m². Thiết kế kiểu dạng vách và nền xi măng, mái lợp tole.

2.2.3. Phế phẩm từ nguyên liệu: Được thu gom vào khay nhựa công nghiệp (150 cái, với kích thước mỗi cái 60 cm x 42 cm x 25 cm) và được tập kết trong khu vực nhà xưởng sản xuất (bố trí diện tích 50m²).

2.2.4. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Được chứa tại bể chứa bùn và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 08 thùng loại 60 lít và 04 thùng chứa loại 120 lít cho toàn bộ dự án.

2.3.2. Điểm tập kết rác sinh hoạt:

Dự án bố trí 30 thùng chứa rác loại 60 lít đủ khả năng lưu chứa lượng rác thải phát sinh được đặt xung quanh nhà xưởng, nơi làm việc của công nhân để gom rác hằng ngày. Bên cạnh đó, chủ dự án bố trí 05 thùng rác loại 120 lít đặt tại phía trước cổng nhằm thuận tiện công tác thu gom chất thải rắn của Đơn vị chức năng gom chất thải rắn sinh hoạt.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó

sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. /s/đ

I.C.M
SỞ
NGUY
MÔI TRƯỜNG
HANG

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 223/GP-STNMT ngày 18 tháng 11 năm 2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG): -.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

3. Nước thải được quản lý để giảm sử dụng, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì theo quy định của pháp luật.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

6. Sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ dự án phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm toàn bộ dự án đầu tư để đánh giá sự phù hợp và đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chủ dự án đầu tư phải tuân thủ yêu cầu về bảo vệ môi trường theo giấy phép môi trường và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

7. Thực hiện nghiêm túc các nội dung khác theo báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư Nhà máy chế biến rau quả đông lạnh xuất khẩu Foodant (đính kèm theo).

8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

